

Ảnh hưởng của ý thức doanh nghiệp đến quan hệ giữa cấu trúc và hiệu quả của kiểm soát nội bộ



Từ Thanh Hoài*
TS. Nguyễn Phong Nguyễn**

Nhận: 14/3/2020

Biên tập: 24/3/2020

Duyệt đăng: 04/4/2020

Nghiên cứu này trình bày về sự tác động điều tiết tiềm tàng của ý thức doanh nghiệp đối với quan hệ giữa cấu trúc kiểm soát nội bộ và sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu cung cấp những khái niệm liên quan đến ý thức doanh nghiệp, cấu trúc kiểm soát nội bộ và sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Trên quan điểm của lý thuyết trao đổi xã hội và lý thuyết cơ sở nguồn lực nhóm tác giả đã đề xuất mô hình và các giả thuyết về sự ảnh hưởng của ý thức doanh nghiệp đến quan hệ giữa cấu trúc kiểm soát nội bộ và sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Kết quả kiểm định mô hình và các giả thuyết trong những nghiên cứu kế tiếp sẽ đưa đến những hàm ý quản trị cho các nhà quản lý trong việc nâng cao ý thức doanh nghiệp, củng cố cấu trúc kiểm soát nội bộ nhằm gia tăng sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Từ đó có thể cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh và thiết lập lợi thế cạnh tranh, thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ.

Từ khóa: Ý thức doanh nghiệp, cấu trúc kiểm soát nội bộ, sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ, kết quả hoạt động kinh doanh

Abstract

This study presents the potential moderating role of organizational mindfulness in the relationship between internal control structure and the internal control efficiency in Vietnamese business organizations. The study also provides the theoretical background and analysis regarding organizational mindfulness and internal control structure and efficiency. Drawing upon the social exchange theory and the resource-based view, we proposed a conceptual model and related hypotheses to explain how organizational mindfulness can moderate the link between internal control structure and internal control efficiency. The testing of the model and the hypotheses in future research could provide managers with practical implications for promoting mindfulness at the organizational level, as well as improving internal control structure and internal control efficiency. These outcomes, in turn, foster firm performance and competitive advantages.

Keywords: Organizational mindfulness, internal control structure, internal control efficiency, firm performance.

1. Ý thức doanh nghiệp và kiểm soát nội bộ (KSNB)

1.1. Ý thức doanh nghiệp

Ý thức doanh nghiệp (DN) là những giá trị bên trong của DN được duy trì và tích lũy bởi lãnh đạo và nhân viên trong DN, thông qua những quy trình định hướng đến đạo đức kinh doanh (Valentine và cộng sự, 2020). Nói cách khác, ý thức DN là những hành động thuộc về nội bộ DN, là cách thức DN phản ứng lại những tác động từ bên trong và bên ngoài DN trên cơ sở trách nhiệm xã hội.

Một DN có trách nhiệm đối với xã hội ngoài việc cung cấp những sản phẩm chất lượng gắn liền với giá cả hợp lý thì còn phải đảm bảo an toàn cho người sử dụng và thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, việc DN thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và các bên liên quan thông qua các hoạt động xã hội cũng chính là thể hiện ý thức của DN.

Các dòng nghiên cứu về ý thức DN trên thế giới cũng như tại Việt Nam đang được rất nhiều học giả và các DN quan tâm (ví dụ như Nguyen và cộng sự, 2020). Những nghiên cứu về các nhân tố tác động đến ý thức DN đã chỉ ra rằng, ý thức DN chính là tiền đề của các hành vi bên trong DN, trong đó không ngoại trừ hành vi quản trị và hành vi kinh doanh.

Ở Việt Nam hiện nay, một số ít trường kinh doanh, ví dụ như PACE, VJCC, AEP,... đã chính thức ban hành các chương trình và triển khai các hoạt động

* Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

** Phòng Quản lý Khoa học - Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

liên quan mật thiết đến ý thức (mindfulness) dựa trên nền tảng khoa học nhằm mục đích phát triển khả năng quản lý, đẩy mạnh hiệu suất công việc và cải thiện chất lượng cuộc sống của các cá nhân và lãnh đạo tại các DN Việt Nam (PACE, 2020). Do vậy, có thể ngụ ý rằng, ý thức DN sẽ góp phần hỗ trợ cho các thành viên của tổ chức mở rộng giao tiếp và hợp tác để hoàn thành công việc theo chiều hướng có lợi nhất.

Theo nhóm tác giả, sự tương tác giữa ý thức DN và hành vi của người quản lý cũng đưa đến những lợi ích nhất định. Đặc biệt, hầu hết những người đứng đầu các DN có ý thức sẽ quản trị DN theo xu hướng gia tăng giá trị cho cộng đồng và các bên liên quan. Đồng thời, ý thức DN không chỉ giúp cho toàn thể nhân viên của DN dễ dàng đương đầu với thách thức, áp lực, mà còn làm cho họ nỗ lực đạt được mục tiêu đã được giao phó. Vì vậy, những hoạt động đề cao ý thức DN luôn được chú trọng và đẩy mạnh nhằm làm cơ sở cho các hoạt động sinh lời.

1.2. Kiểm soát nội bộ

a. Khái niệm KSNB

KSNB là một quá trình, chịu ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị, người quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động, báo cáo tài chính và tuân thủ (COSO, 2013). Theo Điều 4, Khoản c, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (VSA) số 315, KSNB là quy trình do Ban quản trị, Ban Giám đốc và các cá nhân trong đơn vị thiết kế, thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của đơn vị trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

Hệ thống KSNB mà các đơn vị đang tổ chức hiện nay được xem là một hệ thống với đầy đủ tất cả các quy trình, thủ tục cũng như chính

sách mà DN đã thiết lập. Dựa vào đó, DN có thể kiểm soát chặt chẽ các hoạt động nội bộ đang diễn ra hàng ngày. KSNB cũng chính là công cụ hỗ trợ hữu hiệu cho các nhà quản lý trong việc quản trị và phòng ngừa rủi ro, đảm bảo DN đạt được kết quả tốt trên cả ba phương diện chiếu theo COSO là: hoạt động, báo cáo tài chính và tuân thủ.

b. Cấu trúc KSNB

Cấu trúc KSNB của một tổ chức gồm 5 thành phần: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin, truyền thông và giám sát (COSO, 2013). Mỗi DN sẽ có cách thức thiết kế, xây dựng và vận hành KSNB khác nhau, tùy thuộc vào nguồn lực cũng như các yếu tố bên trong và bên ngoài đơn vị. Tuy vậy, cấu trúc KSNB ở các DN đều bao gồm 5 thành phần cơ bản như vừa liệt kê, những thành phần này cùng nhau thực thi những nhiệm vụ cơ bản và cùng ảnh hưởng đến mục tiêu của KSNB.

c. Sự hữu hiệu của KSNB

Theo Agbejule & Jokipii (2009) thì sự hữu hiệu của KSNB được hiểu là mức độ mà KSNB hoạt động một cách hiệu quả hoặc năng suất. KSNB của một DN được xem là hữu hiệu thì nó phải đạt được các mục tiêu mà DN đã đề ra. Cụ thể là mục tiêu báo cáo tài chính trung thực và hợp lý; hoạt động hữu hiệu và hiệu quả; tuân thủ pháp luật và các quy định. Sự hữu hiệu của KSNB sẽ dẫn đến các hoạt động khác trong tổ chức đạt được kết quả tốt hơn và có thể đem đến sự gia tăng về kết quả hoạt động kinh doanh cũng như góp phần nâng cao vị thế của DN trong bối cảnh của Cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0.

2. Vai trò chi phối của ý thức DN đối với hoạt động KSNB

Theo khuôn mẫu COSO (2013) thì cấu trúc KSNB và sự hữu hiệu của KSNB đã được thể hiện một cách rõ ràng và đầy đủ. Cũng trên cơ sở này thì mục tiêu của KSNB là giúp cho các DN xây dựng, vận hành và duy trì ổn định nhằm tạo

nên sự đảm bảo hợp lý về khả năng DN đạt được các mục tiêu tính trên ba phương diện đó là: độ tin cậy của báo cáo tài chính; đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động; tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan. Bên cạnh đó, cấu trúc của KSNB được thiết lập đầy đủ, đồng bộ và liên tục sẽ góp phần tăng cường khả năng đạt được mục tiêu mà KSNB đảm nhận, từ đó có thể nâng cao tính hữu hiệu của KSNB.

Theo Hunziker (2017) thì cấu trúc KSNB đạt yêu cầu như đã nêu ở trên cũng sẽ giúp DN giảm thiểu những nguy cơ sai sót trọng yếu và gian lận trên báo cáo tài chính; đảm bảo DN sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có; đóng góp vào quá trình nâng cao tính linh hoạt trong các chính sách của đơn vị cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận; hướng DN tới việc đạt được những thành tựu đáng kể hơn trong hoạt động và kinh doanh.

Dưới ảnh hưởng của ý thức DN và áp lực hiệu quả hoạt động thì việc tổ chức cấu trúc KSNB khoa học, nhằm thúc đẩy sự hữu hiệu của KSNB là bài toán khá nan giải đối với các DN hiện nay. Vì ngoài chức năng thúc đẩy KSNB đạt được kết quả tối ưu thì ý thức DN còn phải thực thi các nghĩa vụ đối với xã hội và các đối tượng có liên quan. Cho nên, các tổ chức muốn gia tăng vị thế và giá trị thông qua KSNB chắc chắn không thể bỏ qua các hoạt động thuộc về ý thức DN.

Theo nhóm tác giả, ý thức DN hiển nhiên đóng vai trò chi phối đối với hoạt động KSNB của các DN. Điều này là vì ý thức DN sẽ làm cho hoạt động KSNB trở nên hiệu quả hơn. Và hoạt động KSNB đóng vai trò kiểm soát việc thực thi các trách nhiệm của DN đối với xã hội (Li và cộng sự, 2018), điều này cũng là thể hiện ý thức của DN. Vì vậy, KSNB hữu hiệu sẽ đem lại nhiều giá trị hơn cho xã hội (Kim và cộng sự, 2017). Khi ý thức DN được nêu cao thì KSNB càng được củng cố và sẽ là tác nhân quan trọng, giúp DN đạt

được kết quả hoạt động kinh doanh vượt trội cũng như tạo lập lợi thế cạnh tranh.

3. Lý thuyết nền tảng và mô hình nghiên cứu đề xuất

3.1. Lý thuyết trao đổi xã hội (Social exchange theory):

Lý thuyết trao đổi xã hội là những tương tác xã hội mà trong đó, các cá nhân tin rằng, họ sẽ có được những lợi ích nhất định từ các hành vi trao đổi (Blau, 1964). Theo lý thuyết trao đổi xã hội, sự cam kết về ý thức DN hình thành khi các DN cảm nhận được những tín hiệu tích cực từ xã hội và môi trường kinh doanh, chẳng hạn như sự ủng hộ mục tiêu về hoạt động, sự công bằng của các chính sách, sự phân minh trong khen thưởng và xử phạt,... Do đó, ý thức DN có thể được xem là kim chỉ nam cho DN trong việc thực hiện các hành vi kinh doanh và các hành vi thuộc về KSNB.

3.2. Lý thuyết cơ sở nguồn lực (Resources-based view)

Lý thuyết cơ sở nguồn lực DN (Barney, 1991) là lý thuyết về cách thức các DN sử dụng những nguồn lực nội bộ, nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững. Theo lý thuyết này, các DN có được lợi thế cạnh tranh bền vững khi họ sở hữu được những nguồn lực thỏa mãn điều kiện VRIN: Có giá trị (Valuable), hiếm (Rare), khó có thể bắt chước (Inimitable), và không thể thay thế được (Non - substitutable). Các nguồn lực của DN bao gồm tài sản, năng lực, thông tin, tri thức và quy trình. Từ đó, những khác biệt về các nguồn lực này của DN so với đối thủ cạnh tranh sẽ giúp DN tận dụng các cơ hội để phát triển và tạo lập lợi thế cạnh tranh.

Cũng theo lý thuyết này, DN sở hữu KSNB đạt được điều kiện VRIN thông qua các khía cạnh: tính giá trị của KSNB được thể hiện ở việc các DN củng cố các quy trình, giảm thiểu những yếu kém trong quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; thông tin và kết quả đầu ra

của KSNB là hiếm và khó có thể bắt chước bởi vì đặc thù của các DN là khác nhau. KSNB hữu hiệu là khó có thể thay thế, bởi vì vận hành hệ thống KSNB gần như là cách thức duy nhất để DN đạt được các mục tiêu. Và rõ ràng rằng, một hệ thống KSNB được thiết kế đầy đủ chắc chắn sẽ giúp cho DN ngăn chặn kịp thời các rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu đề xuất

Dựa vào lý thuyết trao đổi xã hội và lý thuyết cơ sở nguồn lực cũng như các biện luận về vai trò của ý thức DN và cấu trúc của KSNB trong việc hình thành sự hữu hiệu của KSNB, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1 và các giả thuyết như sau:

+ Giả thuyết 1 (H1): Cấu trúc KSNB tác động dương đến sự hữu hiệu của KSNB.

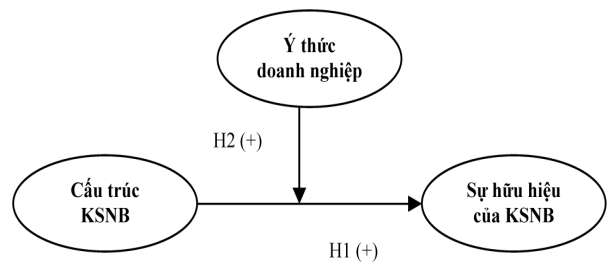
+ Giả thuyết 2 (H2): Ý thức DN tác động điều tiết dương cho mối quan hệ giữa cấu trúc KSNB và sự hữu hiệu của KSNB.

4. Kết luận

Ngày nay, các hoạt động thuộc về ý thức DN và các hoạt động KSNB đang thu hút không ít sự quan tâm của các DN. Vì vậy, nghiên cứu này ngoài việc bàn luận về vai trò của ý thức DN và lợi ích của hoạt động KSNB thì còn gợi ý cho các nghiên cứu kiểm định trong tương lai để xác nhận sự hợp lý của mô hình và các giả thuyết mà nhóm tác giả đã đề xuất trong bối cảnh các DN Việt Nam. Nhóm tác giả cũng cho rằng, một DN có ý thức thì sẽ cố gắng gia tăng hiệu quả của KSNB để làm động lực cho việc cải thiện hiệu quả kinh doanh cũng như hình thành lợi thế cạnh tranh thông qua hoạt động KSNB.

Thực tế khách quan cho thấy, ý thức DN càng được chú trọng thì sẽ

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



đóng góp không nhỏ vào việc tạo nên một hệ thống KSNB hữu hiệu, nhằm hạn chế các vi phạm và gian lận trong tổ chức. Và hơn hết, trong bối cảnh kinh doanh nhiều biến động như Việt Nam hiện nay thì sự ảnh hưởng của ý thức DN và cấu trúc KSNB đến sự hữu hiệu của KSNB, là cần được các DN nghiêm túc nhìn nhận và có phương hướng hành động cụ thể, nhằm duy trì trạng thái hoạt động ổn định và bền vững. ■

Tài liệu tham khảo

1. Agbejule, A., & Jokipii, A. (2009). Strategy, control activities, monitoring and effectiveness. *Managerial Auditing Journal*, 24(6), 500-522.
2. Barney, J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120.
3. Blau, P. (1964). 1964 exchange and power in social life. New York: John Wiley.
4. COSO (2013). Internal control-integrated framework.
5. Hunziker, S. (2017). Efficiency of internal control: Evidence from Swiss non-financial companies. *Journal of Management & Governance*, 21(2), 399-433.
6. Kim, Y. S., Kim, Y., & Kim, H. D. (2017). Corporate social responsibility and internal control effectiveness. *Asia-Pacific Journal of Financial Studies*, 46(2), 341-372.
7. Li, X., Zheng, C., Liu, G., & Sial, M. (2018). The effectiveness of internal control and corporate social responsibility: Evidence from Chinese capital market, *Sustainability*, 10(11), 4006.
8. Nguyen, N. P., Wu, H., Evangelista, F., & Nguyen, T. N. Q. (2020). The effects of organizational mindfulness on ethical behaviour and firm performance: Empirical evidence from Vietnam. *Asia Pacific Business Review*, 1-23.
9. PACE (2020), Mindful Leadership Vietnam, truy cập tại: <https://mlv.pace.edu.vn/> 07 tháng 02 năm 2020.
10. Valentine, S., Godkin, L., & Varca, P. E. (2010). Role conflict, mindfulness, and organizational ethics in an education-based healthcare institution. *Journal of Business Ethics*, 94(3), 455-469.